

Số: /TTBTXH - HCTH
*Về việc mời báo giá mua thuốc, vật tư y
tế tại Trung tâm Bảo trợ xã hội năm 2026*

Sơn La, ngày 17 tháng 07 năm 2026

Kính gửi: Các nhà cung cấp thuốc, vật tư y tế tại Việt Nam

Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Sơn La có nhu cầu tiếp nhận báo giá để làm cơ sở xây dựng lựa chọn nhà thầu cho hoạt động mua thuốc, vật tư y tế thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tại Trung tâm Bảo trợ xã hội.

Trung tâm Bảo trợ xã hội kính mời quý Công ty/Đơn vị có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật, có khả năng cung cấp hàng hóa, gửi báo giá thuốc, vật tư y tế thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tại Trung tâm Bảo trợ xã hội với những nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Sơn La. Số 398, đường Lê Đức Thọ, Tổ 18 phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Ông Lê Việt Hùng, Phó trưởng phòng Hành Chính - Tổng Hợp;
 - SĐT: 094.876.289 (*trong giờ hành chính*)
 - Email: viethungsla@gmail.com.
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Bằng văn bản có đóng dấu của Công ty/Đơn vị qua địa chỉ: Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Sơn La, số 398, đường Lê Đức Thọ, Tổ 18 phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày đăng tải công khai trên Hệ thống cổng thông tin điện tử của Trung tâm đến 16 giờ 00 phút ngày 24 tháng 7 năm 2026. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 60 ngày kể từ ngày ký.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục mua thuốc, vật tư y tế thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Sơn La (*theo phụ lục 01 đính kèm*)
- Địa điểm cung cấp hàng hoá: Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Sơn La. Số 398, đường Lê Đức Thọ, Tổ 18 phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.
- Thời gian dự kiến thực hiện mua sắm: Quý III năm 2026.
- Nội dung báo giá (*theo phụ lục 02 đính kèm*)

Báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển đến Trung tâm, phí, lệ phí liên quan (*nếu có*).

Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Sơn La rất mong nhận được sự quan tâm và bản báo giá của quý Công ty/Đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc TT;
- Cổng Thông tin điện tử TT (để đăng tải);
- Lưu: VT, (H02b).

GIÁM ĐỐC

Lê Văn Tuấn

DANH MỤC

Mua sắm thuốc, vật tư y tế thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Sơn La
(kèm theo Công văn số /TTBTXH-HCTH ngày 17/7/2026 của

STT	Tên thuốc	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	Thuốc				
1	Papaverin 40mg	Hoạt chất: Papaverin hydroclorid. Hàm lượng: 40mg/viên. Dạng bào chế: Viên nén. Nhóm thuốc: Giảm đau chống co thắt có tác dụng hướng cơ Tác dụng: Là loại thuốc có tác dụng làm giãn cơ trơn đường tiêu hóa, tiết niệu và mật, được dùng để cắt các cơn đau do co thắt như đau bụng do tăng nhu động ruột, cơn đau quặn thận và quặn mật.	Viên	20	
2	Paracetamol 500mg	Hoạt chất: Paracetamol và các tá dược. Hàm lượng: 5000mg/viên. Dạng bào chế: Viên nén. Nhóm thuốc: Giảm đau hạ sốt. Tác dụng: Là loại thuốc giảm đau hạ sốt từ nhẹ đến vừa. Thuốc có tác dụng giảm đau như: Đau đầu, đau nửa đầu, đau răng, đau họng, đau cơ, đau do kinh nguyệt, đau nhức do cảm lạnh. Hạ sốt hiệu quả trong trường hợp từ 37,5 - 39,5°C.	Viên	100	
3	Omeprazol 20mg	Hoạt chất: Omeprazol 20mg và các tá dược. Hàm lượng: 20mg/viên. Dạng bào chế: Viên nén. Nhóm thuốc: Ức chế bơm proton. Tác dụng: Chỉ định điều trị trong các trường hợp: Loét dạ dày tá tràng, trào ngược acid thực quản, tình trạng tăng tiết acid dạ dày và điều trị viêm thực quản do acid dạ dày.	Viên	100	
4	Heptaminol 187,8mg	Hoạt chất: Heptaminol hydrochloride 187,8mg. Hàm lượng: 187,8mg/viên. Dạng bào chế: Viên nén (bao phim hoặc không bao phim) Nhóm thuốc: Thuốc điều trị hạ huyết áp. Tác dụng: Là loại thuốc tăng lực co tim và tăng lưu lượng máu qua mạch vành, cải thiện triệu chứng mệt mỏi, đau ngực do suy chức năng tuần	Viên	10	

		hoàn vánh, Nâng huyết áp nhẹ, điều trị hạ huyết áp thể đứng.			
5	Simvastatin 10mg	Hoạt chất: Simvastatin 10mg và các tá dược. Hàm lượng: 10 mg/viên. Dạng bào chế: Viên nén bao phim. Nhóm thuốc: Đối kháng chọn lọc trên thụ thể Receptor. Tác dụng: Là thuốc chỉ định điều trị trong những trường hợp: Viêm mũi dị ứng theo mùa hoặc quanh năm, dự phòng và điều trị hen phế quản.	Hộp	10	
6	Amlodipin 5mg	Hoạt chất: Amlodipin besilate (hoặc amlodipin maleat) Hàm lượng: 5 mg/viên. Dạng bào chế: Viên nén bao phim hoặc viên nén không bao phim. Nhóm thuốc: Chẹn kênh canxi. Tác dụng: Là thuốc chỉ định điều trị giảm huyết áp, điều trị đau thắt ngực mãn tính và không ổn định.	Viên	300	
7	Berberin 10mg	Hoạt chất: Berberin clorid. Hàm lượng: 10 mg/viên. Dạng bào chế: Viên nén. Nhóm thuốc: Thuốc đường tiêu hóa. Tác dụng: Chỉ định điều trị trong các trường hợp: Lỵ trực khuẩn, hội chứng lỵ, lỵ amip, viêm ruột và tiêu chảy.	Viên	500	
8	Colchicin 1mg	Hoạt chất: Colchicine. Hàm lượng: 1 mg/viên. Dạng bào chế: Viên nén, viên nén bao phim, dung dịch uống. Nhóm thuốc: Thuốc chống viêm không steroid. Tác dụng: Chỉ định điều trị cơn gút cấp, dự phòng cơn gút khi bắt đầu điều trị hạ acid uric, một số bệnh viêm tự miễn khác.	Viên	100	
9	Mydocaml 50mg	Hoạt chất: Tolperisone (dưới dạng Tolperisone hydrochloride 50 mg) Hàm lượng: 50 mg/viên. Dạng bào chế: Viên nén bao phim. Nhóm thuốc: Thuốc giãn cơ tác dụng trung ương. Tác dụng: Chỉ định điều trị: Điều trị triệu chứng co cứng cơ sau đột quỵ ở người lớn, tăng trương lực cơ do các bệnh thần kinh, co thắt cơ và cứng cơ hoặc hỗ trợ phục hồi chức năng sau chấn thương hoặc phẫu thuật chỉnh hình trong một số trường hợp.	Viên	100	
10	Diclofenac 50 mg	Hoạt chất: Diclofenac natri 50 mg. Hàm lượng: 50 mg/viên. Dạng bào chế: Viên nén bao tan trong ruột hoặc bao phim. Nhóm thuốc: Thuốc chống viêm không steroid. Tác dụng: Chỉ định điều trị: Thoái hóa khớp, viêm khớp dạng thấp, viêm cột sống dính khớp, cơn gút cấp. Một số trường hợp đau và viêm khác.	Viên	50	

11	Cefuroxim 500g	Hoạt chất: Cefuroxime axetil 500 mg. Hàm lượng: 200 mg/viên. Dạng bào chế: Viên nén bao phim hoặc viên nang. Nhóm thuốc: Nhóm β-lactam. Tác dụng: Chỉ định điều trị trong các trường hợp: Điều trị nhiều loại nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gram dương và Gram âm.	Viên	50	
12	Cefixim 200mg	Hoạt chất: Cefixime trihydrat. Hàm lượng: 500 mg/viên. Dạng bào chế: Viên nén bao phim. Nhóm thuốc: Nhóm β-lactam. Tác dụng: Chỉ định điều trị trong các trường hợp: Điều trị các nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm như: Viêm họng, viêm amidan, viêm tai giữa cấp, viêm xoang cấp. Đợt cấp của viêm phế quản mạn và một số bệnh lý viêm khác.	Viên	100	
13	Novogyl	Hoạt chất: Spiramycin 750.000 IU + Metronidazole 125 mg. Hàm lượng: Spiramycin 750.000 IU + Metronidazole 125 mg. Dạng bào chế: Viên nén bao phim. Nhóm thuốc: Nhóm kháng sinh phối hợp. Tác dụng: Chỉ định điều trị trong các trường hợp viêm nhiễm về răng như: Áp xe răng, viêm nha chu, viêm quanh răng và một số trường hợp khác.	Viên	300	
14	Alphachymotripsin	Hoạt chất: Alphachymotripsin Hàm lượng: 4,2 mg/viên. Dạng bào chế: Viên nén, viên ngậm dưới lưỡi, bột pha tiêm. Nhóm thuốc: Nhóm thuốc chống viêm, chống phù nề dạng enzym. Tác dụng: Chỉ định điều trị trong các trường hợp: Phù nề sau chấn thương, phù nề sau phẫu thuật, phù nề sau bỏng, tụ máu mô mềm, hỗ trợ làm loãng đờm trong một số bệnh đường hô hấp như viêm phế quản hoặc viêm xoang và một số trường hợp khác.	Viên	500	
15	Daflon 500mg	Hoạt chất: Phân đoạn flavonoid tinh chế vi hạt (Micronized Purified Flavonoid Fraction – MPFF) 500 mg. Hàm lượng: 500 mg/viên. Dạng bào chế: Viên nén bao phim. Nhóm thuốc: Nhóm Thuốc tăng trương lực tĩnh mạch. Tác dụng: Chỉ định điều trị trong các trường hợp: Điều trị triệu chứng suy tĩnh mạch bạch huyết mạn tính chi dưới, điều trị triệu chứng của cơn trĩ cấp và hỗ trợ điều trị bệnh trĩ mạn tính.	Viên	100	
16	Pacemin 327mg	Hoạt chất: Paracetamol 325 mg + Clorpheniramin maleat 2 mg. Hàm lượng: 327 mg/viên.	viên	200	

		Dạng bào chế: Viên nén, viên nang. Nhóm thuốc: Thuốc giảm đau, hạ sốt. Tác dụng: Chỉ định điều trị trong các trường hợp: Giảm đau, hạ sốt, giảm chảy nước mũi, hắt hơi, giảm các triệu chứng dị ứng đường hô hấp do cảm lạnh hoặc cảm cúm và một số trường hợp khác.			
17	Vitamin B1 loại 10mg	Hoạt chất: Thiamine. Hàm lượng: 10 mg/viên. Dạng bào chế: Viên nén, viên nang, dung dịch tiêm. Nhóm thuốc: Nhóm vitamin. Tác dụng: Chỉ định điều trị trong các trường hợp: Phòng và điều trị thiếu vitamin B1, hỗ trợ chuyển hóa carbohydrate thành năng lượng, bệnh tê phù, viêm đau dây thần kinh, suy nhược cơ thể và một số bệnh lý khác.	Viên	1000	
18	Piracetam 400mg	Hoạt chất: Piracetam Hàm lượng: 400 mg/viên. Dạng bào chế: Viên nén bao phim hoặc viên nang cứng. Nhóm thuốc: Thuốc hướng thần, bổ não. Tác dụng: Chỉ định điều trị trong các trường hợp: Suy giảm nhận thức ở người lớn, chứng chóng mặt có nguồn gốc trung ương, hỗ trợ điều trị sau chấn thương sọ não hoặc sau tai biến mạch máu não, nghiện rượu và một số trường hợp khác.	Viên	500	
19	Boganic	Hoạt chất: Atiso, rau đắng đất, bìm bìm. Hàm lượng: mg/viên. Dạng bào chế: Viên nang mềm hoặc viên nén. Nhóm thuốc: Thuốc nhuận gan - lợi mật - giải độc Tác dụng: Bổ gan, phòng và hỗ trợ điều trị suy giảm chức năng gan. hỗ trợ điều trị viêm gan, làm giảm các triệu chứng của bệnh gan và một số trường hợp khác.	Viên	1000	
20	Sorbitol loại 5g	Hoạt chất: D - glucitol. Hàm lượng: 5 g/viên. Dạng bào chế: Bột tinh khiết, dung dịch 20-70%, dung dịch đặt trực tràng. Nhóm thuốc: Nhuận tràng. Tác dụng: Chỉ định trong các trường hợp: Điều trị táo bón hoặc khó tiêu.	Gói	200	
21	Ovalax 2mg	Hoạt chất: Lactulose. Hàm lượng: 2 mg/viên. Dạng bào chế: Dung dịch uống 60%, bột hòa tan, viên nén. Nhóm thuốc: Nhuận tràng. Tác dụng: Chỉ định trong các trường hợp: Điều trị táo bón cấp và mãn tính.	Viên	20	

22	Cồn BSI	Hoạt chất: Iodide, Acid benzoic, Acid salicylic. Hàm lượng: 20ml/lọ. Dạng bào chế: Lọ 10, 20, 80 ml. Nhóm thuốc: Điều trị nấm da, móng. Tác dụng: Chỉ định trong các trường hợp: Sát trùng và tiêu diệt nấm, bong tróc lớp sừng da, giảm ngứa và một số tác trường hợp khác.	Lọ	2	
23	Povidone 10%/20 mml	Hoạt chất: Povidone Iodine. Hàm lượng: 10%/lọ 20 ml. Dạng bào chế: Dung dịch dùng ngoài Nhóm thuốc: Thuốc sát trùng. Tác dụng: Sát trùng, rửa vết thương, hỗ trợ điều trị viêm da, nấm, sát trùng dụng cụ y tế.	Lọ	4	
24	Kedeffa	Hoạt chất: Ketoconazole. Hàm lượng: 5g/tuyp. Dạng bào chế: Kem bôi ngoài da, viên nén. Nhóm thuốc: Thuốc kháng nấm, điều trị nhiễm trùng da, nấm. Tác dụng: Chỉ định trong các trường hợp: Nhiễm nấm, viêm da	Tuýp	2	
25	Lidocain 3%	Hoạt chất: Lidocaine . Hàm lượng: 40 mg/ống 2 ml. Dạng bào chế: Dung dịch thuốc tiêm. Nhóm thuốc: Thuốc gây tê tại chỗ. Tác dụng: Chỉ định trong các trường hợp: Gây tê tại chỗ bằng cách phong bế dẫn truyền thần kinh, làm mất cảm giác đau tạm thời nhưng bệnh nhân vẫn tỉnh táo, giảm đau niêm mạc trước các thủ thuật và một số trường hợp khác.	Ống	5	
26	Tobramycin 0,3%, /10ml	Hoạt chất: Tobramycin . Hàm lượng: 0.3%/ống 10 ml. Dạng bào chế: Dung dịch tiêm, mỡ tra mắt. Nhóm thuốc: Kháng sinh nhóm aminoglycosid. Tác dụng: Chỉ định trong các trường hợp: Viêm mi mắt, viêm kết mạc, viêm giác mạc và một số trường hợp khác.	Lọ	10	
27	Vitamin B1 100	Hoạt chất: Thiamine. Hàm lượng: 0,01g/viên. Dạng bào chế: Viên nén. Nhóm thuốc: Nhóm vitamin. Tác dụng: Chỉ định điều trị trong các trường hợp: Phòng và điều trị thiếu vitamin B1, hỗ trợ chuyển hóa carbohydrate thành năng lượng, bệnh tê phù, viêm đau dây thần kinh, suy nhược cơ thể và một số bệnh lý khác.	Ống	15	
28	Acyclovir Stella	Thành phần hoạt chất chính: Aciclovir (hoặc Acyclovir) hàm lượng 200	Hộp	01	

	200mg	mg Tính chất cảm quan: Viên nén màu trắng hoặc trắng ngà, không bị sứt mẻ, bề mặt nhẵn. là thuốc kháng virus, đặc trị các bệnh nhiễm trùng do virus <i>Herpes simplex</i> và <i>Varicella zoster</i> gây ra.			
29	Acyclovir 5%	Thành phần hoạt chất chính: Aciclovir Hàm lượng: 5% (Mỗi gam kem chứa 50 mg Aciclovir). Là thuốc kháng virus dùng tại chỗ, chứa hoạt chất chính là Aciclovir 50 mg/g. Thuốc được chỉ định chính để điều trị nhiễm virus <i>Herpes simplex</i> ở da và niêm mạc (như herpes môi, herpes sinh dục), giúp ức chế sự nhân lên của virus và rút ngắn thời gian lành vết thương	Tuýp	03	
30	Phenergan Cream10g (tupe bôi ngoài da)	Dạng bào chế: Kem bôi ngoài da, tuýp \ (10g\). Hoạt chất chính: Promethazin hydroclorid 2% (0,2g trong10g kem). Tá dược: Gồm các thành phần hỗ trợ như sáp, glycerol, lanolin... huốc bôi ngoài da chứa hoạt chất kháng histamin Promethazin. Thuốc được chỉ định để giảm nhanh các triệu chứng ngứa ngáy, mẩn đỏ, dị ứng, sản ngứa, côn trùng đốt, bỏng bề mặt và kích ứng da do tia X	Tuýp	05	
31	Oracortia 1g	Hoạt chất chính: Triamcinolon acetonid. Hàm lượng: Tương đương 1mg trong 1g thuốc. Dạng bào chế: Dạng thuốc mỡ (gel bôi). Đóng gói: Gói túi nhôm 1g (Hộp 50 gói). là sản phẩm hỗ trợ điều trị viêm và loét khoang miệng (nhiệt miệng). Thuốc hoạt động bằng cách tạo một lớp màng bảo vệ ổ loét và giảm viêm nhanh chóng	Hộp	01	
32	Vitamin c 100mg	Thành phần chính: Acid ascorbic (Vitamin C) hàm lượng 100mg. Dạng bào chế thường gặp: Viên nén, viên ngậm hoặc dung dịch uống/tiêm. Hộp 10 vỉ x 30 Viên nén Công dụng: Tham gia tổng hợp collagen, hấp thu sắt, chống oxy hóa, phòng và điều trị bệnh Scorbut (chảy máu chân răng, xuất huyết dưới da)	Hộp	01	
33	Klamenti 250mg	Hoạt chất: Amoxicillin kết hợp Acid clavulanic. Hàm lượng: 250 mg/viên. Dạng bào chế: Bột pha hỗn dịch uống. Nhóm thuốc: Kháng sinh phối hợp thuộc nhóm beta-lactam. Tác dụng: Điều trị các nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm, ở rộng phổ kháng khuẩn nhờ phối hợp amoxicillin với acid clavulanic.	Hộp	04	
34	Hapacol 250mg	Hoạt chất: Paracetamol. Hàm lượng: 250 mg/gói.	Hộp	04	

		Dạng bào chế: Thuốc bột sủi bọt pha uống. Nhóm thuốc: Thuốc giảm đau, hạ sốt không opioid. Tác dụng: Hạ sốt trong các trường hợp sốt do cảm cúm, nhiễm khuẩn, nhiễm siêu vi, sốt sau tiêm chủng... và giảm đau Giảm các cơn đau từ nhẹ đến vừa như đau đầu, đau răng, đau họng, đau cơ, đau sau tiêm chủng hoặc sau phẫu thuật.			
35	Paracetamol 500mg	Hoạt chất: Paracetamol và các tá dược. Hàm lượng: 5000mg/viên. Dạng bào chế: Viên nén. Nhóm thuốc: Giảm đau hạ sốt. Tác dụng: Là loại thuốc giảm đau hạ sốt từ nhẹ đến vừa. Thuốc có tác dụng giảm đau như: Đau đầu, đau nửa đầu, đau răng, đau họng, đau cơ, đau do kinh nguyệt, đau nhức do cảm lạnh. Hạ sốt hiệu quả trong trường hợp từ 37,5 - 39,5°C.	Hộp	01	
36	Hapacol 150mg	Hoạt chất: Paracetamol. Hàm lượng: 250 mg/gói. Dạng bào chế: Thuốc bột sủi bọt pha uống. Nhóm thuốc: Thuốc giảm đau, hạ sốt không opioid. Tác dụng: Hạ sốt trong các trường hợp sốt do cảm cúm, nhiễm khuẩn, nhiễm siêu vi, sốt sau tiêm chủng... và giảm đau Giảm các cơn đau từ nhẹ đến vừa như đau đầu, đau răng, đau họng, đau cơ, đau sau tiêm chủng hoặc sau phẫu thuật.	Hộp	02	
37	Erythymycin 250mg	Hoạt chất: Erythymycin. Hàm lượng: 250 mg erythromycin/ 1 viên. Dạng bào chế: Viên nén/viên bao phim/viên bao tan trong ruột dùng đường uống. Nhóm thuốc: Thuốc kháng sinh nhóm macrolid. Tác dụng: Điều trị các nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với erythromycin như nhiễm khuẩn đường hô hấp, tai mũi họng, da và mô mềm, một số nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gram dương và vi khuẩn không điển hình theo chỉ định chuyên môn.	Hộp	01	
38	Bio Island DHA	Hoạt chất: Dầu giàu DHA. Hàm lượng: 250 mg/viên. Dạng bào chế: Viên nang mềm hình c. Nhóm thuốc: Thuốc bổ não. Tác dụng: Hỗ trợ sự phát triển não bộ, hệ thần kinh, thị giác. Góp phần duy trì sự tăng trưởng và phát triển khỏe mạnh của trẻ em.	Lọ	06	
II	Vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú

1	Băng dính lụa y tế	Vật liệu là vải lụa nhân tạo hoặc tổng hợp, có màu trắng. Tính chất mềm, linh hoạt dễ ôm sát cơ thể. Tráng chất keo Acrylic, không sử dụng dung môi là vật tư thiết yếu trong y tế. Dùng để cố định băng gạc, đường truyền dịch, hoặc ống thông y tế mà không gây kích ứng da, KT (5cm x 4 m)	Cuộn	15	
2	Gạc tiết trùng	Làm từ 100% sợi bông y tế hoặc vật liệu không dệt đạt tiêu chuẩn dùng trong y tế; không pha tạp chất gây kích ứng. Màu trắng, đã tiệt trùng đảm bảo vô trùng trước khi mở, gồm 8 lớp bông. Tác dụng Thẩm hút máu và dịch tiết; che phủ, bảo vệ vết thương; làm sạch vết thương; cầm máu tạm thời; sử dụng trong thay băng, chăm sóc vết thương và các thủ thuật ngoại khoa theo chỉ định chuyên môn. KT: 10 × 10 cm x 8 lớp	Túi	30	
3	Găng tay y tế	Vật liệu cao su thiên nhiên hoặc cao su tổng hợp, không chứa các chất độc hại. Đặc tính đàn hồi cao, ôm sát bàn tay, tạo cảm giác thao tác tốt khi thực hiện. Dùng để bảo vệ nhân viên y tế và người bệnh, hạn chế lây nhiễm chéo trong quá trình khám, điều trị và chăm sóc. Chống thấm dịch, máu và các dịch tiết sinh học và ngăn ngừa sự xâm nhập của vi khuẩn.	Hộp	10	
4	Bông y tế	Vật liệu được sản xuất từ 100% bông xơ cotton tự nhiên, đã được tẩy trắng, không chứa các chất độc hại. Đặc tính mềm, mịn, khả năng thấm nước nhanh, không gây tổn thương da và niêm mạc. Dùng để thẩm hút máu, dịch tiết, sát khuẩn và vệ sinh vết thương, sử dụng trong khám bệnh, điều trị, phẫu thuật và chăm sóc người bệnh.	Kg	01	
5	Băng cuộn	Kích thước: 0,05x 2m; 0,05 x 2,5 m. Quy cách đóng gói: 5 cuộn/gói Thành phần 100% cotton Băng cuộn (phổ biến nhất là băng cuộn y tế) là vật tư thiết yếu dùng để cố định băng gạc, cầm máu, hoặc hỗ trợ nẹp xương	Gói	20	
6	Bơm tiêm 5ml	Bơm tiêm 5ml được sản xuất từ nhựa PP 100% nguyên sinh thân thiện với môi trường, kim làm từ thép không gỉ đảm bảo an toàn cho người dùng. Không gây độc, không gây kích ứng, an toàn khi tiếp xúc với thuốc và dịch truyền. Dùng để hút, bơm hoặc tiêm thuốc, dung dịch vào cơ thể hoặc hút dịch theo chỉ định chuyên môn.	Cái	20	
7	Ống cầm panh, kéo (loại trung)	Vật liệu bằng inox, chịu được các dung dịch sát khuẩn thông dụng trong y tế, dễ vệ sinh, dễ khử khuẩn và tái sử dụng nhiều lần. Loại trung Dùng để chứa, bảo quản panh, kẹp hoặc các dụng cụ y tế đã được ngâm	Cái	1	

		trong dung dịch sát khuẩn trong quá trình khám, điều trị và chăm sóc người bệnh.			
8	Lọ inox đựng bông cotton (10 x 8cm)	Vật liệu bằng inox, Kết cấu chắc chắn, không biến dạng trong quá trình sử dụng thông thường, dễ vệ sinh, khử khuẩn và tái sử dụng nhiều lần, chịu được các dung dịch sát khuẩn thông dụng trong y tế. Kích cỡ: 10 x 8 cm. Dùng để chứa bông, gạc hoặc bông tẩm cotton phục vụ công tác khám bệnh, điều trị, tiêm truyền, thay băng và các thủ thuật y tế và bảo quản bông, gạc sạch, hạn chế bụi bẩn và giảm nguy cơ nhiễm khuẩn.	Lọ	1	
9	Khay hạt đậu (21 x 14 x 2,5cm)	Thiết kế hình hạt đậu, vật liệu bằng inox, dễ vệ sinh, khử khuẩn và tái sử dụng, chịu được dung dịch sát khuẩn và các điều kiện sử dụng trong môi trường y tế; Kích cỡ: 21 x 14 x 2,5 cm. Dùng để đựng dụng cụ y tế, bông, gạc, chất thải y tế tạm thời hoặc dịch tiết trong quá trình khám, điều trị và thực hiện thủ thuật.	Cái	1	
10	Bát kê inox (15.5cm x 3.7cm)	Vật liệu bằng inox, dễ vệ sinh, khử khuẩn và tái sử dụng, chịu được dung dịch sát khuẩn và các điều kiện sử dụng trong môi trường y tế. Dùng để đựng bông, gạc, dụng cụ y tế, thuốc sát khuẩn, dung dịch hoặc vật tư y tế trong quá trình khám bệnh, điều trị và thực hiện thủ thuật. KT (15.5cm x cao 3.7cm)	Cái	2	
11	Hộp inox (33 x 19 x 7cm)	Vật liệu bằng inox, dễ vệ sinh, khử khuẩn và tái sử dụng, chịu được dung dịch sát khuẩn và các điều kiện sử dụng trong môi trường y tế. Dùng để chứa, bảo quản và vận chuyển các dụng cụ y tế, giúp bảo vệ dụng cụ khỏi bụi bẩn, tác động môi trường bên ngoài. KT (33 x 19 x 7 cm)	Cái	1	
12	Máy đo huyết áp trẻ em Omron	Bộ phận hiển thị và điều khiển rõ ràng, nút điều khiển đơn giản, có chức năng bật/tắt tự động. Vòng bít trẻ em kích thước phù hợp với cánh tay trẻ em. Chất liệu mềm, không gây khó chịu khi đo. Dùng để đo huyết áp không xâm lấn cho trẻ em.	Bộ	1	

Tên công ty/đơn vị.....

Địa chỉ.....

Điện thoại.....

Email..... Website.....

BIỂU MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số /TTBTXH-HCTH ngày /6/2026 của TTBTXH)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Sơn La

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi.....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá hóa chất, vật tư y tế xét nghiệm như sau:

1. Báo giá hóa chất, vật tư y tế xét nghiệm:

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/Khối lượng	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thành tiền (VND)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	...												
2													
	...												

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ...**3. Chúng tôi cam kết:**

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu)